| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 432/2024/DS-ST
Ngày: 19-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phú Minh Thông

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 931/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9144/2024/QĐXXST-DS ngày 10/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11227/2024/QĐST-DS ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1954; Căn cước công dân số: 082054002641; địa chỉ thường trú: A T, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ tạm trú: 197 Tổ G, Ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước – Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đình Thái H1, sinh năm 1973; Căn cước công dân số:048073003640; địa chỉ: C Đường số D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền số 13674 ngày 01/12/2022 lập tại Văn phòng C2, thị xã C, tỉnh Bình Phước) – Có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Kiến C, sinh năm 1951, Căn cước công dân số: 092051000563; địa chỉ cư trú: 7 V, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1959, Căn cước công dân số: 079159004255; địa chỉ cư trú: I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Kiến T1; sinh năm 1988, Căn cước công dân số: 079088000084; địa chỉ: Số G V, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022, ngày 20/02/2023, bản khai ngày 30/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đặng Văn H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Do quen biết vì cùng làm vườn với nhau tại Bình Phước, nên ngày 01/10/2009, nguyên đơn có cho vợ chồng ông Nguyễn Kiến C và bà Lê Thị T vay số tiền 40.000 USD với lãi suất thỏa thuận là 1,2%/01 tháng.

Ngày 14/10/2010, vợ chồng ông Nguyễn Kiến C và bà Lê Thị T tiếp tục vay thêm của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 18%/01 năm, thời hạn vay 2 năm đến hết ngày 31/12/2012.

Theo thỏa thuận nêu trên thì đến ngày 31/12/2012 ông C và bà T phải thanh toán hết các khoản nợ cho ông H. Tuy nhiên đến ngày 01/7/2013, hai bên mới chốt tiền lãi còn thiếu là 778.375.000 đồng. Từ đó đến nay ông C và bà T không thanh toán cả gốc cũng như lãi cho ông H.

Ngay sau khi chốt nợ và thỏa thuận vào ngày 01/07/2013, thì ông C và bà T bán hết các rẫy cao su và rời khỏi Bình Phước, bỏ đi đâu không rõ và nguyên đơn không liên lạc được.

Sau nhiều năm tìm kiếm và liên lạc, vợ chồng ông C và bà T hứa sẽ trả dần cho ông H các khoản nợ nói trên. Đến ngày 08/01/2021, ông C có thanh toán cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng và tiếp tục tắt điện thoại, không thanh toán số tiền còn nợ cho ông H.

Sau khi ông H khởi kiện tại Tòa án và làm việc với vợ chồng ông C, bà T thì ông H xác định bà T không liên quan đến số tiền vay theo các giấy nhận nợ nêu trên, người viết giấy vay tiền cho ông H là ông C, chữ ký của bà T trên giấy nhận nợ là do ông C ký, do đó ông H chỉ yêu cầu ông C trả số tiền nợ vay, không yêu cầu bà T trả nợ.

Do số tiền nợ đã lâu, nên ông H yêu cầu ông C phải trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật như sau:

- Số tiền nợ 1.016.720.000 đồng tương đương 40.000 USD (Tỷ giá 25.418 đồng/USD)

- Nợ gốc 1.000.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 01/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2024 là 2.550.000.000 đồng.

**** Tại bản khai đề ngày 08/01/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Kiến C trình bày:***

Ông xác nhận cả 03 giấy vay tiền và nhận nợ ngày 01/10/2009, ngày 01/2/2012 và ngày 14/10/2010 đều là chữ ký và chữ viết của ông, cụ thể:

Ông Đặng Văn H có cho ông vay 2.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14/10/2010, ông đã trả ông H 1.000.000.000 đồng vào ngày 08/01/2021 và 1.000.000.000 đồng trả bằng tiền mặt, ông nộp vào tài khoản của ông Đặng Văn H tại một Phòng Giao dịch của Ngân hàng Á thuộc huyện C, tỉnh Bình Phước, thời điểm chuyển và biên nhận chuyển tiền ông không còn giữ do thời gian đã quá lâu.

Ông xác định chữ ký của bà Lê Thị T trên Giấy vay tiền ngày 14/10/2010 là do ông ký, bà T không ký và không biết việc ông vay tiền của ông H.

Do ông đã trả hết số tiền nợ 2.000.000.000 đồng cho ông H, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện trả số tiền nợ gốc còn thiếu 1.000.000.000 đồng và tiền lãi. Đối với yêu cầu về việc tính tiền lãi, ông đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu vì đã hết thời hiệu khởi kiện 3 năm.

Đối với Giấy vay tiền 40.000 USD ngày 01/10/2009, tuy nhiên số tiền này ông không vay, ông ký giấy vay tiền này là do ông H nhờ viết để chứng minh với gia đình ở Mỹ hay bên trung gian làm ăn gì đó mà ông cũng không nhớ rõ. Vì không vay khoản tiền này nên ông không đồng ý trả số tiền 1.016.720.000 đồng tương đương 40.000 USD.

**** Tại Bản khai đề ngày 05/01/2024 bị đơn là bà Lê Thị T trình bày:***

Bà là vợ của ông Nguyễn Kiến C, nhưng bà và ông C đã ly hôn theo Quyết định số 28/2014/QĐST-HNGĐ-CNTT ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc vay mượn tiền giữa ông Nguyễn Kiến C và ông Đặng Văn H cụ thể thế nào bà không rõ, chữ ký trên giấy vay tiền ngày 14/10/2010 không phải của

bà, bà đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà trên giấy vay tiền ngày 14/10/2010.

Do số tiền vay nợ trên của ông C bà không biết nên bà không đồng ý trả, vì bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

**** Tại Bản khai đề ngày 13/05/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến T2 trình bày:***

Anh là con ruột của ông Nguyễn Kiến C và bà Lê Thị Tuyết . Ngày 08/11/2021, thông qua tài khoản cá nhân của anh tại Ngân hàng S, tài khoản số 700-[redacted], anh đã chuyển vào tài khoản của ông Đặng Văn H số tiền 1.000.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản là: "*Nguyen Kien C1 thanh toan dot cuoi tong cong 2 ty hoan thanh".*

Anh xác định đây là số tiền anh chuyển giùm cho ông Nguyễn Kiến C, không liên quan gì đến tài sản cá nhân nên anh không có yêu cầu gì về số tiền này.

Lý do anh ghi "*2 ty hoan thanh"* vì theo lời ba của anh và ông H nói chuyện với nhau (Có file ghi âm) thì trước đây ba của anh đã trả trước cho ông H 1.000.000.000 đồng. Anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vì thường chuyên bận đi làm.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1*** *phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

*Về nội dung*: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp được bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận, căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, có căn cứ xác định ông C có vay tiền của ông H theo 03 giấy vay tiền và nhận nợ ngày 01/10/2009, ngày 01/2/2012 và ngày 14/10/2010, việc vay tiền không liên quan đến bà T là vợ của ông C.

Ngoài tài liệu chứng cứ là số tiền ông C nhờ anh T2 chuyển vào tài khoản của ông H 1.000.000.000 đồng trả nợ vay thì không có tài liệu chứng cứ nào

chứng minh ông C đã trả tiền hoặc hoặc không vay nợ. Đo đó, lời trình bày của ông C là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu ông C trả 1.000.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 1.016.720.000 đồng tương đương với 40.000 USD ngày 01/10/2009 giữa hai bên là vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối, Điều 123 và Điều 131 Bộ luật Dân sự, các bên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu về tiền lãi của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về pháp luật tố tụng***:

[1] Ông Đặng Văn H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Kiến C và bà Lê Thị T; ông C cư trú tại địa chỉ 7 V, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn là bà Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, xét thấy việc xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H xác định khoản tiền cho ông C vay là tiền riêng của ông H, ông C cũng xác định làm ăn chung với ông H, vay tiền của ông H và không biết vợ ông H là ai, do đó, không cần thiết phải đưa vợ của ông H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Đồng thời, ông H chỉ yêu cầu ông C trả nợ, không yêu cầu bà T cùng trả các khoản nợ theo yêu cầu.

***Về pháp luật nội dung***:

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Kiến C trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và 1.016.720.000 đồng tương đương với 40.000 USD.*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình: Giấy vay tiền 40.000 USD ngày 01/10/2009, hợp đồng vay tiền 2.000.000.000 đồng ngày 14/10/2010, bảng tổng hợp tiền nợ gốc và lãi năm 2012 và 2013; tất cả đều là viết tay được ông H và ông C xác nhận là do ông C viết, bà T không viết và ký tên trên các giấy vay tiền trên.

[5] Đối với số tiền vay 2.000.000.000 đồng, ông C cho rằng ông đã trả cho ông H 1.000.000.000 đồng vào ngày 08/01/2021 và 1.000.000.000 đồng nộp vào tài khoản của ông H tại một Phòng Giao dịch của Ngân hàng Á tại huyện C, tỉnh Bình Phước. Ông H chỉ xác nhận ông C trả 1.000.000.000 đồng vào ngày 08/01/2021, số tiền còn lại chưa trả.

[5.1] Căn cứ theo đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của ông C ngày 15/4/2024 và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, như sau:

- Văn bản số 2257/CNTPHCM-TH ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP C3- Chi nhánh B – Phòng G, từ tài khoản số 102[redacted] của ông Đặng Văn H, ngày 08/01/2021, lúc 16 giờ 24 phút, tài khoản ghi có 1.000.000.000 đồng, nội dung "*Nguyen Kien Cong thanh toan dot cuoi (tong cong 2 ty hoan thanh)*", người chuyển tiền là "*Nguyen Kien T3*"

- Văn bản số 33/CVD-CHT-24 ngày 20/5/2024 của Ngân hàng TMCP Á- Chi nhánh B – Phòng G từ tài khoản số 280[redacted] và 454[redacted] của ông Đặng Văn H, từ ngày 01/1/2011 đến 31/12/2013, tài khoản không ghi nhận số tiền nào từ ông C chuyển đến.

[5.2] Căn cứ lời khai của ông Nguyễn Kiến T1 tại bản khai đề ngày 13/5/2024 và tại phiên tòa xác nhận " *Lý do tôi ghi 2 tỷ hoàn thành vì theo lời ba tôi và ông H nói chuyện với nhau, thì trước đây ba tôi đã ứng trước cho ông H 1 tỷ đồng*";

[5.3] Xét, nội dung ghi âm mà ông C giao nộp cho Tòa án, có ghi lại nội dung của file ghi âm thì không có nội dung thể hiện ông H xác nhận ông C đã trả 1.000.000.000 đồng trước đó.

[5.4] Xét thấy, lời trình bày của ông C về việc đã trả đủ 2.000.000.000 đồng không được nguyên đơn xác nhận, nguyên đơn chỉ xác nhận ông C mới trả được 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000.000 đồng, ông C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh đã trả đủ số tiền trên cho ông H; ông T1 cũng xác nhận việc ghi nội dung chuyển khoản "*Nguyen Kien Cong thanh toan dot cuoi (tong cong 2 ty hoan thanh*" là theo đề nghị của ông C. Do đó, lời trình bày của ông C là không có căn cứ.

[5.5] Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"*; căn cứ giấy vay tiền ngày 14/10/2010 *"Bên A vay của bên B 2 tỷ đồng, thời hạn vay là 2 năm, lãi suất là 18%/năm, bên B cam kết trả cho bên A đúng vào thời gian là 31/12/2012";* Xét, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, các chứng cứ do các bên xuất trình và Tòa án thu thập, có đủ cơ sở để xác định ông C và ông H giao kết hợp đồng vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chủ thể tham gia ký kết giao dịch có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung của sao kê chuyển tiền, giấy vay tiền và giấy nhận nợ phù hợp với quy định tại Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên, được pháp luật công nhận và bảo vệ; ông H cho ông C vay 2.000.000.000 đồng, ngày 08/01/2021 ông C trả được 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000.000 đồng chưa trả, ông C yêu cầu ông H trả số tiền nợ vay 1.000.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại các Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với khoản vay 1.016.720.000 đồng tương đương với 40.000 USD ngày 01/10/2009, "*Tôi Nguyễn Kiến C ... có nhận của ông Đặng Văn H số tiền là 40.000 USD kể từ ngày 01/10/2019 với lãi suất là 12% tháng*", ông C cho rằng ông không mượn số tiền trên của ông H, mà là do có quan hệ làm ăn với nhau nên ông H nhờ ông viết và ký tên. Tuy nhiên lời trình bày trên không được ông H xác nhận và ông C không xuất trình được chứng cứ nào khác chứng minh không vay khoản tiền trên hoặc đã trả tiền vay.

[6.1] Xét, nguyên đơn và bị đơn đều không thuộc trường hợp được sử dụng ngoại hối, nên thỏa thuận về giao dịch vay 40.000 USD là vi phạm quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối, Điều 29 Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối và Điều 3 Thông tư số 32/2013/TT - NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng N hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam; giữa nguyên đơn và bị đơn đều có lỗi và phải tự chịu thiệt hại do mình thực hiện khi đã cùng nhau xác lập một giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật mà pháp luật bắt buộc họ phải biết. Do đó, giao dịch vay tiền 40.000 USD ngày 01/10/2009 bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật được quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự; theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu*" ... khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; trường hợp không thể hoàn trả lại bằng hiện vật thì giá trị thành tiền để hoàn trả…".*

[6.2] Theo công bố tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ từ USD sang tiền Đồng của Ngân hàng TMCP N1 ngày 19/7/2024 tại "https://www.V.com.vn/KHCN/Cong-cu-tien-ich/Ty-gia" là 25.418 đồng/USD. Số tiền mà ông C có nghĩa vụ trả lại cho ông H là 1.016.720.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông C trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 01/01/2011 đến 08/01/2021 trên số tiền vay 2.000.000.000 đồng là 2.000.000.000 đồng; từ 08/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền vay 1.000.000.000 đồng là 350.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.350.000.000 đồng.

[7.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C yêu cầu Tòa án xét thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn.

[7.2] Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015định *thời hiệu khởi kiện về hợp đồng như sau:"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm."* Như vậy, thời hiệu để nguyên đơn khởi kiện là 03 năm kể từ ngày 31/12/2012, là ngày ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay và đến ngày 01/7/2013, ông C tính tiền lãi phải trả cho ông H được xem là ngày xác định khoản nợ phải trả của ông C. Từ đó đến nay, ông C trả nợ 1.000.000.000 đồng tiền vay và cũng không thừa nhận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay; ngoài bảng tổng hợp tiền nợ gốc và lãi năm 2012 và 2013 với thời hạn trả nợ là ngày 01/7/2013 thì nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ nào khác xác lập lại thời hiệu theo Điều 157 Bộ luật Dân sự. Thời hiệu khởi kiện đòi tiền lãi vay của ông H là 03 năm được tính từ ngày 01/7/2013, đến ngày 29/8/2022 ông H mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1954 và ông Nguyễn Kiến C, sinh năm 1951 đều là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Tòa án được Tòa án chấp nhận và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 3

Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 123, 131, 429, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Kiến C trả cho Đặng Văn H số tiền nợ vay 1.000.000.000 đồng và 1.016.720.000 đồng tương đương 40.000 USD ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vay 1.000.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn H về việc yêu cầu ông Nguyễn Kiến C trả tiền lãi của hợp đồng vay tiền 2.000.000.000 đồng ngày 14/10/2010, bảng tổng hợp tiền nợ gốc và lãi năm 2012 và 2013, tiền lãi từ ngày từ ngày 01/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.350.000.000 đồng.

Hậu quả của việc đình chỉ: Ông Đặng Văn H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về tiền lãi, nếu vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

**3.** Về án phí: Ông Đặng Văn H và ông Nguyễn Kiến C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

**3**. Quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Ông Đặng Văn H và ông Nguyễn Kiến C và ông Nguyễn Kiến T4 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phượng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Phượng**